

**PL: DANH SÁCH TẶNG THƯỞNG THẺ TDQT HẠNG PLATINUM
THÁNG 6/2021**

STT	Tên KH	Số thẻ	Số tiền thưởng
1	DO DUC DUNG	4271XX6104	2,000,000
2	DANG TUNG LAM	4271XX5104	2,000,000
3	HOANG THI HIEN	4271XX0106	2,000,000
4	NGUYEN THI THANH NGA	4271XX4104	2,000,000
5	PHAM THI NGOC HA	4271XX5107	2,000,000
6	NGO THI THU HIEN	4271XX5105	2,000,000
7	NGUYEN THANH HUONG	4271XX9109	2,000,000
8	NGUYEN KHAC TUNG	4271XX3101	2,000,000
9	TRUONG HAI DANG	4271XX6108	2,000,000
10	NGUYEN DUY THANH	4271XX4108	2,000,000
11	NGUYEN THI KIEU TRANG	4271XX5108	2,000,000
12	PHAN THI CAM VAN	4271XX5102	2,000,000
13	VO ANH NAM	4271XX1101	2,000,000
14	NGUYEN THANH CONG	4271XX5107	2,000,000
15	TRINH TIEN HUNG	4271XX8106	2,000,000
16	NGUYEN T PHUONG THAO	4271XX2105	2,000,000
17	PHAM DANG TUE QUANG	4271XX0109	2,000,000
18	NGUYEN THI QUYNH THO	4271XX0103	2,000,000
19	NGUYEN THI HANH	4271XX1100	2,000,000
20	NGUYEN THI PHUONG HUE	4271XX4103	2,000,000
21	NGUYEN THI THU THUY	4271XX0102	2,000,000
22	LE THUY CHI	4271XX4105	2,000,000
23	NGUYEN MAI LAN	4271XX5108	2,000,000
24	TRAN KHAC TRUNG	4271XX5102	2,000,000
25	LE THI PHUONG	4271XX8108	2,000,000
26	PHAM THI HUYEN TRANG	4271XX8107	2,000,000
27	PHAM THI THANH HUYEN	4271XX1101	2,000,000
28	HOANG THI BAC	4271XX5109	2,000,000
29	NGUYEN HUONG GIANG	4271XX0101	2,000,000
30	LE NGUYET ANH	4271XX4108	2,000,000
31	LE HONG THANH	4271XX3107	2,000,000
32	DANG THI MINH HUE	4271XX9105	2,000,000
33	TRAN TAN DO	4271XX6102	2,000,000
34	TRAN THI DIEP	4271XX3109	2,000,000
35	NGUYEN THI NHU CAM	4271XX8106	2,000,000
36	PHAM THI NGOC BACH	4271XX7106	2,000,000
37	NGUYEN T PHUONG THAO	4271XX3105	2,000,000
38	NGUYEN THI HAI YEN	4271XX1104	2,000,000
39	NGUYEN MINH DIEP	4271XX0105	2,000,000

STT	Tên KH	Số thẻ	Số tiền thưởng
40	TRAN THI THUONG THAO	4271XX2100	2,000,000
41	NGO HOAI THANH	4271XX1108	2,000,000
42	BUI VAN CUONG	4271XX0104	2,000,000
43	LEE JINSU	4271XX5106	2,000,000
44	TRAN THI THOA	4271XX8100	2,000,000
45	NGUYEN DINH VIET	4271XX2108	2,000,000
46	PHAM THI THANH BINH	4271XX6107	2,000,000
47	NGUYEN VAN DAN	4271XX3108	2,000,000
48	NGUYEN THI PHUONG	4271XX2105	2,000,000
49	VU HOANG TUAN	4271XX4106	2,000,000
50	HO TAN HUNG	4271XX8100	2,000,000
51	NGUYEN THI MAI ANH	4271XX4102	2,000,000
52	TRAN VAN THINH	4271XX1106	2,000,000
53	NGUYEN NAM THUY	4271XX3107	2,000,000
54	HA THI HAI YEN	4271XX4109	2,000,000
55	BUI HUU HUNG	4271XX2106	2,000,000
56	PHAM THI HUE	4271XX3108	2,000,000
57	NGUYEN TUAN VIET	4271XX8105	2,000,000
58	DAO THI MAI	4271XX6108	2,000,000
59	CAO ANH TUAN	4271XX1109	2,000,000
60	DOAN THI HOAI	4271XX5108	2,000,000
61	NGUYEN THU PHUONG	4271XX7101	2,000,000
62	NGUYEN SON HAI	4271XX4105	2,000,000
63	NGUYEN DUY SON	4271XX3101	2,000,000
64	NGUYEN MINH KIEN	4271XX6106	2,000,000
65	NGUYEN THI HAI YEN	4271XX7102	2,000,000
66	VU THI NGOC	4271XX2107	2,000,000
67	LE THI THUY	4271XX5104	2,000,000
68	TRAN THI THANH BINH	4271XX4100	2,000,000
69	NGO VAN HIEU	4271XX7103	2,000,000
70	VU TIEN HAI	4271XX4103	2,000,000
71	NGUYEN MAI CHI	4271XX3108	2,000,000
72	NGUYEN V THANH PHUONG	4271XX3104	2,000,000
73	TO ANH HONG	4271XX2101	2,000,000
74	BUI THI HA LY	4271XX8108	2,000,000
75	TRINH THI THANH HA	4271XX1100	2,000,000
76	LE HUONG GIANG	4271XX3105	2,000,000
77	LEE MINHO	4271XX4100	2,000,000
78	HOANG THU HOAI	4271XX9100	2,000,000
79	NGUYEN VAN MANH	4271XX6104	2,000,000
80	LE QUANG HUY	4271XX9102	2,000,000

STT	Tên KH	Số thẻ	Số tiền thưởng
81	DO NGOC THIEN HOANG	4271XX8106	2,000,000
82	VU THI LUAN	4271XX4100	2,000,000
83	NGUYEN THI HOA	4271XX7100	2,000,000
84	HO HOANG HOA	4271XX3107	2,000,000
85	DANG THI HONG NHUNG	4271XX8108	2,000,000
86	PHAM THI THU HUE	4271XX4102	2,000,000
87	HOANG NGOC DUONG	4271XX6107	2,000,000
88	HUYNH KIM PHUONG	4271XX2101	2,000,000
89	DO VAN THUC	4271XX4102	2,000,000
90	NGUYEN V PHUONG HUYEN	4271XX5100	2,000,000
91	DANG THI THANH THUY	4271XX2108	2,000,000
92	LE THE HIEU	4271XX2107	2,000,000
93	HOANG VIET DUNG	4271XX6109	2,000,000
94	LE TIEN HUU	4271XX6107	2,000,000
95	DUONG THI THANH VAN	4271XX2104	2,000,000
96	VU ANH TUAN	4271XX9107	2,000,000
97	TRAN VAN TRUONG	4271XX8100	2,000,000
98	HO ANH TUAN	4271XX2107	2,000,000
99	PHAN THI VI	4271XX0106	2,000,000
100	DAO TRUNG ANH	4271XX4104	2,000,000
101	PHAM NGUYEN XUAN	4271XX8102	2,000,000
102	DANG QUOC BINH	4271XX0104	2,000,000
103	NGUYEN T PHUONG THAO	4271XX2106	2,000,000
104	NGUYEN CO THACH	4271XX3101	2,000,000
105	LE THI HOA	4271XX7108	2,000,000
106	TRAN QUANG GIANG	4271XX9101	2,000,000
107	NGUYEN THI THANH THU	4271XX1104	2,000,000
108	TRAN THI TUYET	4271XX8104	2,000,000
109	DO QUANG THANG	4271XX0105	2,000,000
110	DUONG HONG SON	4271XX1107	2,000,000
111	LE THI THANH HOAI	4271XX0108	2,000,000
112	DANG PHUONG NGOC	4271XX9105	2,000,000
113	DANG HOANG NAM	4271XX0104	2,000,000
114	NGUYEN THAI TRONG	4271XX1107	2,000,000
115	HOANG THI VAN	4271XX9105	2,000,000
116	TRAN DAC QUANG	4271XX6100	2,000,000
117	NGUYEN THI MAN	4271XX4109	2,000,000
118	LE THANH SON	4271XX5100	2,000,000
119	DANG CAO CUONG	4271XX8108	2,000,000
120	PHAM QUANG KHAI	4271XX5102	2,000,000
121	NGUYEN THI TUYET MAI	4271XX4107	2,000,000

STT	Tên KH	Số thẻ	Số tiền thưởng
122	TRUONG THI KIM THU	4271XX3106	2,000,000
123	PHAM DUC THINH	4271XX3100	2,000,000
124	DO QUANG PHUC	4271XX7106	2,000,000
125	LE MANH PHONG	4271XX2107	2,000,000
126	DAO QUANG HAI	4271XX9109	2,000,000
127	NGUYEN THI THU HANG	4271XX1104	2,000,000
128	BUI MANH HUNG	4271XX6105	2,000,000
129	NGUYEN TRUNG CUONG	4271XX1102	2,000,000
130	TRAN THI HANH	4271XX4105	2,000,000
131	TA THI THU NGHIA	4271XX8107	2,000,000
132	NGUYEN THI NGOC ANH	4271XX2100	2,000,000
133	NGUYEN CONG NGOC	4271XX0106	2,000,000
134	VO THI NGOC LINH	4271XX7100	2,000,000
135	NGUYEN NGOC PHUONG	4271XX9108	2,000,000
136	TRAN THI CUC	4271XX0109	2,000,000
137	DANG THI THU HUONG	4271XX9109	2,000,000
138	NGUYEN THI QUYNH	4271XX6109	2,000,000
139	TRAN TRONG NGHIA	4271XX3108	2,000,000
140	TRUONG LAN HUONG	4271XX9104	2,000,000
141	NGO THI THUY	4271XX8105	2,000,000
142	NGUYEN DANG HAI	4271XX8104	2,000,000
143	DAO MINH HA	4271XX9105	2,000,000
144	TRAN THI HOA	4271XX2108	2,000,000
145	NGUYEN THI HONG PHUC	5305XX2109	2,000,000
146	VU THI THANH HUONG	4271XX6104	2,000,000
147	LE THI HUYEN	4271XX1101	2,000,000
148	VAN THI THANH HAI	4271XX7106	2,000,000
149	DINH THI TO UYEN	4271XX5104	2,000,000
150	CHU QUANG HUAN	4271XX5104	2,000,000
151	BUI HUYEN TRANG	4271XX4107	2,000,000
152	NGUYEN CONG TUAN	4271XX0109	2,000,000
153	DO THI HUE	4271XX3100	2,000,000
154	TRAN TUAN NGHIA	4271XX8106	2,000,000
155	VO HAI DANG	4271XX7100	2,000,000
156	NGUYEN THI KIM YEN	5305XX6100	2,000,000
157	NGUYEN THANH HUONG	4271XX2103	2,000,000
158	NGUYEN KHAC TUAN	4271XX9101	2,000,000
159	DO QUOC TRINH	4271XX6101	2,000,000
160	VU XUAN TRUONG	4271XX6107	2,000,000
161	BUI THI CHUYEN	4271XX7109	2,000,000
162	NGUYEN NGOC HA	4271XX0103	2,000,000

STT	Tên KH	Số thẻ	Số tiền thưởng
163	PHAN THANH SON	5305XX5102	2,000,000
164	LE VAN HOANG	4271XX2104	2,000,000
165	TRAN THI THU THUONG	4271XX0109	2,000,000
166	DANG THAI QUANG	4271XX7106	2,000,000
167	VU THUY LY	4271XX9100	2,000,000
168	TRAN QUANG TUYEN	4271XX9108	2,000,000
169	NGUYEN THI THANH	4271XX3104	2,000,000
170	BUI THI THE	4271XX2102	2,000,000
171	PHAM QUANG CHAU	4271XX7104	2,000,000
172	LE NGOC LY	4271XX2106	2,000,000
173	NGUYEN THI THUY	4271XX6106	2,000,000
174	NGUYEN XUAN THIEN	4271XX0103	2,000,000
175	HA THI THUAN	4271XX4104	2,000,000
176	DONG NHU THAI	4271XX3103	2,000,000
177	LAM HOANG TRUC MAI	4271XX5104	2,000,000
178	NGUYEN NGOC VIET	4271XX8103	2,000,000
179	PHAM KIEU HUNG	4271XX6105	2,000,000
180	VU THI THU HA	4271XX9109	2,000,000
181	NGUYEN CONG DINH	4271XX2100	2,000,000
182	TRAN CONG TRUONG	4271XX7102	2,000,000
183	NGUYEN THANH LAM	4271XX1102	2,000,000
184	NGUYEN THANH HUY	4271XX5109	2,000,000
185	PHAM NGOC DAN	4271XX0103	2,000,000
186	PHAM HOANG GIANG	4271XX2108	2,000,000
187	HOANG THI BICH NGOC	4271XX5106	2,000,000
188	DINH THI MINH NGUYET	4271XX3102	2,000,000
189	NGUYEN TRONG BAC	4271XX1108	2,000,000
190	NGUYEN THI THAO	4271XX4105	2,000,000
191	VU THI PHUONG THANH	4271XX6101	2,000,000
192	NGUYEN TIEN NAM	4271XX7107	2,000,000
193	NGUYEN THI OANH	4271XX6107	2,000,000
194	NGUYEN T PHUONG HUYEN	4271XX4107	2,000,000
195	NGUYEN THI KIM LOAN	4271XX4107	2,000,000
196	NGUYEN THI THUY NGA	4271XX4108	2,000,000
197	BUI THI THANH	4271XX3106	2,000,000
198	PHAM DINH LIEM	4271XX4106	2,000,000
199	TRAN THI NGOC MAI	4271XX2101	2,000,000
200	GIAP THI HUONG LY	4271XX6106	2,000,000
201	DUONG VAN TUAN	4271XX6100	2,000,000
202	LE THI THUY HA	4271XX5101	2,000,000
203	NGUYEN KIEU DUNG	4271XX6102	2,000,000

STT	Tên KH	Số thẻ	Số tiền thưởng
204	HUYNH THI THU HA	4271XX2104	2,000,000
205	NGUYEN THI THU THAO	4271XX1105	2,000,000
206	LE THI NGUYET NGA	4271XX9107	2,000,000
207	LE THI THANH HUONG	4271XX3106	2,000,000
208	DINH VAN HUAN	4271XX3101	2,000,000
209	NGUYEN VAN HIEU	4271XX2105	2,000,000
210	VU THI TUYET	4271XX7100	2,000,000
211	TRAN HA THUY LY	4271XX7102	2,000,000
212	TRAN DUC HOA	4271XX2100	2,000,000
213	NGUYEN THI GIANG	4271XX8101	2,000,000
214	PHAM MY HAO	4271XX6108	2,000,000
215	TRAN DUC HAI NINH	4271XX3105	2,000,000
216	PHUNG CAM THUY	4271XX9103	2,000,000
217	NGUYEN VAN HAI	4271XX4106	2,000,000
218	VU TIEN TOAN	4271XX6104	2,000,000
219	DAO ANH THU	4271XX1108	2,000,000
220	PHAM THI THANH TAM	4271XX3101	2,000,000
221	LAM THI HAI YEN	4271XX1105	2,000,000
222	TRAN THI DINH	4271XX9109	2,000,000
223	TRAN DUC DAI	4271XX7105	2,000,000
224	HOANG MINH QUY	5305XX6106	2,000,000
225	NGUYEN HUY KHANH	4271XX6103	2,000,000
226	PHAM HOANG NAM	4271XX8105	2,000,000
227	TRAN TRONG NGUYEN	4271XX3106	2,000,000
228	LE THI KIEU NGA	4271XX3104	2,000,000
229	PHAM VAN ANH	4271XX6108	2,000,000
230	PHAM THI NAM	4271XX9106	2,000,000
231	PHAM THI LAN HUONG	4271XX6101	2,000,000
232	NGO THI HONG LUONG	4271XX2104	2,000,000
233	NGUYEN LE HUYEN VI	4271XX7109	2,000,000
234	HUYNH MY DUC	4271XX1102	2,000,000
235	DO THANH HOA	5305XX4105	2,000,000
236	NGUYEN THI THUY	4271XX7108	2,000,000
237	NGO HONG HANH	4271XX9103	2,000,000
238	NGUYEN THI THU HA	4271XX5103	2,000,000
239	BUI THI PHUONG THUY	4271XX0100	2,000,000
240	DO TRUNG HIEU	4271XX7108	2,000,000
241	HOANG THI HUONG THAO	4271XX9100	2,000,000
242	TRAN NGO PHUONG ANH	4271XX7100	2,000,000
243	NGUYEN THI BICH NGOC	4271XX0100	2,000,000
244	TRINH THI THAO	4271XX5104	2,000,000

STT	Tên KH	Số thẻ	Số tiền thưởng
245	HA HUY THIEN THANH	4271XX4105	2,000,000
246	PHAM HOANG THU PHUONG	4271XX0100	2,000,000
247	NGUYEN XUAN DUNG	4271XX1105	2,000,000
248	LUU HONG ANH	4271XX7107	2,000,000
249	LE QUOC VUONG	4271XX8107	2,000,000
250	LUONG THI LANH	4271XX4104	2,000,000
251	BUI THI HIEN	4271XX5100	2,000,000
252	TRAN NGOC SON	4271XX9102	2,000,000
253	TRUONG THI KIEU THU	4271XX6105	2,000,000
254	LUONG THAO NGUYEN	4271XX5109	2,000,000
255	DUONG THANH NAM	4271XX1108	2,000,000
256	NGUYEN TUAN HUNG	4271XX6109	2,000,000
257	NGUYEN NGOC HA	4271XX6108	2,000,000
258	NGUYEN THI NGA LINH	4271XX4107	2,000,000
259	NGO THU TRANG	4271XX1106	2,000,000
260	HOANG MINH TUAN	4271XX1109	2,000,000
261	DO THI BAY	4271XX0103	2,000,000
262	TRUONG THI HOA	4271XX0106	2,000,000
263	CAP LE TRAM ANH	4271XX8100	2,000,000
264	TRUONG THI HUONG	4271XX4100	2,000,000
265	PHAM DANG PHU	4271XX4106	2,000,000
266	HOANG MAI AN	4271XX4109	2,000,000
267	LE PHUONG THAO	4271XX1106	2,000,000
268	PHAM HUU MY	4271XX3101	2,000,000
269	LUONG VAN DA	4271XX7101	2,000,000
270	NGO DUY TRI	4271XX1103	2,000,000
271	NGUYEN VAN NHUNG	4271XX9105	2,000,000
272	PHAM HOANG VINH	4271XX9108	2,000,000
273	PHAM ANH TUAN	4271XX9100	2,000,000
274	NGUYEN THI THU THAO	4271XX9103	2,000,000
275	LUONG DIEU LINH	4271XX3109	2,000,000
276	NGUYEN THI ANH	4271XX9109	2,000,000
277	TRUONG QUOC CHINH	4271XX2102	2,000,000
278	DOAN THI MAI ANH	4271XX2107	2,000,000
279	TRAN HUY LONG	4271XX3105	2,000,000
280	LE THI HANG	4271XX4103	2,000,000
281	LE PHU DUC	4271XX7107	2,000,000
282	NGUYEN THI QUYNH NGA	4271XX2107	2,000,000
283	HO NHAT LE	4271XX5108	2,000,000
284	NGUYEN T GIANG THANH	4271XX3109	2,000,000
285	TRAN XUAN TINH	4271XX8101	2,000,000

STT	Tên KH	Số thẻ	Số tiền thưởng
286	HOANG THI BAY	4271XX3103	2,000,000
287	NGUYEN THI LAM	4271XX9105	2,000,000
288	LE THI MY HANG	4271XX1100	2,000,000
289	DAU TRUNG TRINH	4271XX7104	2,000,000
290	BUI THI NGAN	4271XX0103	2,000,000
291	TRAN THI LIEN NGA	4271XX3104	2,000,000
292	NGUYEN THI KIM DUNG	4271XX4104	2,000,000
293	DO HUYEN TRANG	4271XX7107	2,000,000
294	TRUONG THUY AN	4271XX6101	2,000,000
295	TRAN NGOC DUC	4271XX7102	2,000,000
296	LE THANH VU	4271XX7100	2,000,000
297	NGUYEN BA TINH	4271XX4100	2,000,000
298	NGUYEN THI LAN ANH	4271XX3102	2,000,000
299	MAC THI XINH	4271XX9109	2,000,000
300	PHAN THANH PHUONG	4271XX1100	2,000,000
301	DUONG HUU BA	4271XX0104	2,000,000
302	NGUYEN VAN TIEN	4271XX2108	2,000,000
303	NGUYEN THI BICH NGOC	4271XX1101	2,000,000
304	DO DUY PHUONG	4271XX0109	2,000,000
305	VU HONG VINH	4271XX1106	2,000,000
306	NGUYEN THI HOA	4271XX1103	2,000,000
307	DAU LE PHONG	4271XX8102	2,000,000
308	PHAM THUY DUNG	4271XX9107	2,000,000
309	NGUYEN T PHUONG LINH	4271XX9101	2,000,000
310	HUYNH LE PHI	5305XX7108	2,000,000
311	VU THI HUE	4271XX3102	2,000,000
312	NGO THI NHI	4271XX2109	2,000,000
313	TRAN MINH PHUC	4271XX8105	2,000,000
314	LAM DAI QUY	4271XX7100	2,000,000
315	DO TAT THANH	4271XX9109	2,000,000
316	NGUYEN HONG NGA	4271XX6106	2,000,000
317	DUONG THI VIET NGA	4271XX2109	2,000,000
318	CHU PHUONG ANH	4271XX8103	2,000,000
319	TRAN THI THUY HANG	4271XX7106	2,000,000
320	LE THI THU HA	4271XX4104	2,000,000
321	DIEP THI HONG VAN	4271XX6109	2,000,000
322	NGUYEN MAI HUONG	4271XX8106	2,000,000
323	NGUYEN TUAN ANH	4271XX9100	2,000,000
324	DANG THUY DUONG	4271XX7106	2,000,000
325	NGUYEN NGAN HANH	4271XX6105	2,000,000
326	NGUYEN THANH DUC	4271XX0102	2,000,000

STT	Tên KH	Số thẻ	Số tiền thưởng
327	LO MAY THY	4271XX5108	2,000,000
328	NGUYEN TIEN CUONG	4271XX4108	2,000,000
329	LE THI KIM HONG	4271XX7104	2,000,000
330	NGUYEN DUONG KIEN	4271XX2109	2,000,000
331	TRINH THI HA	4271XX8106	2,000,000
332	PHAM THI THU TRANG	4271XX8103	2,000,000
333	NGO THANH THAO	4271XX9109	2,000,000
334	NGUYEN DIEU MINH	4271XX1107	2,000,000
335	NGUYEN PHUC AN	4271XX5100	2,000,000
336	NGUYEN THI ANH	4271XX9101	2,000,000
337	NGUYEN DIEU THUY	4271XX8109	2,000,000
338	NGUYEN THI MAI	4271XX2108	2,000,000
339	NGUYEN THANH BINH	4271XX6105	2,000,000
340	TRAN THUY LINH	4271XX7109	2,000,000
341	NGUYEN VIET TRUNG	4271XX1109	2,000,000
342	VU TIEN DONG	4271XX8100	2,000,000
343	PHAM PHUONG TRA	4271XX4106	2,000,000
344	NGUYEN THI HOAI GIANG	4271XX4104	2,000,000
345	HA MINH TOAN	4271XX7104	2,000,000
346	HOANG NGOC KHOI	4271XX5107	2,000,000
347	DUONG VAN VIEN	4271XX3109	2,000,000
348	BUI DUC HUNG	4271XX6101	2,000,000
349	NGUYEN T HUYEN TRANG	4271XX5106	2,000,000
350	DAO VAN MANH	4271XX5102	2,000,000
351	NGUYEN DUC THIEN	4271XX5101	2,000,000
352	TRAN QUANG XUAN	4271XX2100	2,000,000
353	NGUYEN THI HONG	4271XX3100	2,000,000
354	NGUYEN THI MAI ANH	4271XX6100	2,000,000
355	NGUYEN MANH CUONG	4271XX5107	2,000,000
356	NGUYEN THANH HIEU	4271XX7107	2,000,000
357	PHAM THI THANH HUYEN	4271XX4100	2,000,000
358	NGUYEN HOANG CONG	4271XX0101	2,000,000
359	TRAN VAN TRONG	4271XX7101	2,000,000
360	NGUYEN TRUNG HIEU	5305XX7104	2,000,000
361	NGUYEN HAI ANH	4271XX3107	2,000,000
362	LE VAN DUNG	4271XX8108	2,000,000
363	PHAM NGOC HUYEN TRANG	4271XX8105	2,000,000
364	NGUYEN TIEN DO	4271XX8103	2,000,000
365	NGUYEN NHU NGOC	4271XX9103	2,000,000
366	LE THI LAN HUONG	4271XX9103	2,000,000
367	LANG VIET HUNG	4271XX0101	2,000,000

STT	Tên KH	Số thẻ	Số tiền thưởng
368	PHAM THUY LINH	4271XX1103	2,000,000
369	LE QUANG ANH	4271XX1100	2,000,000
370	NGUYEN VIET HAI	4271XX4101	2,000,000
371	LE HUU DUNG	4271XX2106	2,000,000
372	HOANG THI HIEN	4271XX0106	2,000,000
373	DAO THI THUY TRANG	4271XX0104	2,000,000
374	PHAM TUAN ANH	4271XX2102	2,000,000
375	DOAN T NGUYEN PHUONG	4271XX6107	2,000,000
376	MAC HUU THANG	4271XX7102	2,000,000
377	NGUYEN VAN VE	4271XX4102	2,000,000
378	NGO NU MY HIEN	4271XX7100	2,000,000
379	NGUYEN NGOC VUONG	4271XX2108	2,000,000
380	DUONG HUONG GIANG	4271XX6102	2,000,000
381	CAT THI PHUONG LOAN	4271XX3106	2,000,000
382	LE HOANG DO	4271XX6104	2,000,000
383	PHAM HAI PHUONG	4271XX8109	2,000,000
384	NGUYEN THI HUONG	4271XX0108	2,000,000
385	TRUONG THI HUE	4271XX5109	2,000,000
386	DANG THI BICH DUNG	4271XX6104	2,000,000
387	PHAM DUC KHANH	4271XX2101	2,000,000
388	NGUYEN THI NGOC LAN	4271XX0100	2,000,000
389	LE TIEN TRUNG	4271XX2107	2,000,000
390	DO DUC TAM	4271XX7105	2,000,000
391	NGUYEN THI TUYET MAI	4271XX6106	2,000,000
392	TRAN VAN BINH	4271XX8103	2,000,000
393	DANG THI THU THUY	4271XX8101	2,000,000
394	TRAN ANH TUAN	4271XX7108	2,000,000
395	TRAN MINH QUAN	4271XX1103	2,000,000
396	HOANG THI ANH	4271XX0105	2,000,000
397	NGUYEN THI ANH DAO	4271XX5107	2,000,000
398	LE PHUOC TRI	4271XX1106	2,000,000
399	TRUONG THI HONG	4271XX5103	2,000,000
400	NGUYEN VAN TUYEN	4271XX9103	2,000,000
401	BUI HAI NHAN	4271XX5108	2,000,000
402	PHAN THANH TUNG	4271XX2109	2,000,000
403	NGUYEN THI QUYNH HOA	4271XX5106	2,000,000
404	NGO THI MY NINH	4271XX5102	2,000,000
405	NGUYEN THI HOA	4271XX5109	2,000,000
406	HOANG THI LAN ANH	4271XX2102	2,000,000
407	PHAM GIA HUAN	4271XX7109	2,000,000
408	NGUYEN VIET DUNG	4271XX1104	2,000,000

STT	Tên KH	Số thẻ	Số tiền thưởng
409	LE BA TUAN	4271XX7102	2,000,000
410	LE THANH BINH	4271XX1108	2,000,000
411	HOANG THI CAM TU	4271XX6108	2,000,000
412	NGUYEN GIA BAO	4271XX9107	2,000,000
413	DANG DUC TUNG	4271XX8108	2,000,000
414	LE HA HUY	4271XX6100	2,000,000
415	TRIEU SU HA TRANG	4271XX4109	2,000,000
416	LE MINH THAN	4271XX1109	2,000,000
417	HO TUAN ANH	4271XX7109	2,000,000
418	KIM THI LY	4271XX0104	2,000,000
419	NGUYEN THUY LAN	4271XX4107	2,000,000
420	TRAN VAN HONG	4271XX9100	2,000,000
421	HOANG THI LOI	4271XX4101	2,000,000
422	PHAM TRONG LUNG	4271XX0100	2,000,000
423	DOAN KIM CHI	4271XX1102	2,000,000
424	LE THI NGUYET	4271XX9108	2,000,000
425	PHAM THI HOAI HUONG	4271XX8108	2,000,000
426	TRAN MINH TU	4271XX8102	2,000,000
427	DO THI THU NGAN	4271XX5103	2,000,000
428	NGUYEN THANH TU	4271XX4107	2,000,000
429	PHAM THI HOA AN	4271XX3103	2,000,000
430	VO VAN SON	4271XX6104	2,000,000
431	NGUYEN THI HUONG THU	4271XX0107	2,000,000
432	LE HONG THANH	4271XX2109	2,000,000
433	NGUYEN DANG TRI	4271XX4104	2,000,000
434	LE THANH THUY KHANH	4271XX9101	2,000,000
435	TRAN THI THANH HANG	4271XX6104	2,000,000
436	NGUYEN VAN VONG	4271XX5109	2,000,000
437	NGUYEN THI MINH THU	4271XX2104	2,000,000
438	PHAM THI LE	4271XX7109	2,000,000
439	DO DUC ANH	4271XX8100	2,000,000
440	NGUYEN THI MINH HUE	4271XX2103	2,000,000
441	DANG THI PHUONG THAO	4271XX9103	2,000,000
442	TRAN TRUONG GIANG	4271XX1105	2,000,000
443	VU TIEN TUAN	4271XX0101	2,000,000
444	LE VAN HOA	4271XX1107	2,000,000
445	NGUYEN T THANH HUONG	4271XX8105	2,000,000
446	PHAM NGOC PHAN	4271XX0101	2,000,000
447	NGUYEN THI YEN	4271XX5107	2,000,000
448	KIEU DUC HUY	4271XX4102	2,000,000
449	NGUYEN QUANG ANH	4271XX2103	2,000,000

STT	Tên KH	Số thẻ	Số tiền thưởng
450	TRAN THI NHAT LE	4271XX3109	2,000,000
451	NGUYEN LONG NHAN	4271XX5109	2,000,000
452	NGUYEN THI BICH LIEU	4271XX9107	2,000,000
453	NGUYEN THI HOAI	4271XX1102	2,000,000
454	NGUYEN CONG CHIEN	4271XX4101	2,000,000
455	HOANG THI THU THAO	4271XX2100	2,000,000
456	NGUYEN THI LAN HUONG	4271XX3108	2,000,000
457	LAM HOANG OANH	4271XX0100	2,000,000
458	MA THANH KHAI	4271XX5108	2,000,000
459	NGUYEN HOANG ANH	4271XX4103	2,000,000
460	PHAM THI THUY	4271XX4102	2,000,000
461	VU DUY SI	5305XX0104	2,000,000
462	NGUYEN MAI VAN	4271XX0108	2,000,000
463	PHAM CHI MAI	4271XX8104	2,000,000
464	NGUYEN THI HA	4271XX6102	2,000,000
465	PHAM THU NGA	4271XX7105	2,000,000
466	NGUYEN THI THU HUONG	4271XX2106	2,000,000
467	KONG HOANG DINH	4271XX1102	2,000,000
468	VU VAN SON	4271XX8103	2,000,000
469	VUONG TO	4271XX0107	2,000,000
470	DO THI THANH HUONG	4271XX7102	2,000,000
471	PHUNG THI HANH	4271XX2109	2,000,000
472	VU THI HUONG MAI	4271XX4108	2,000,000
473	NGUYEN MINH DUNG	4271XX2101	2,000,000
474	HOANG THI HONG PHUONG	4271XX3106	2,000,000
475	NGUYEN THI NGOC	4271XX6103	2,000,000
476	HOANG THI KIM THANH	4271XX0106	2,000,000
477	DANG THI KIM ANH	4271XX5108	2,000,000
478	NGUYEN LE THAI PHONG	4271XX4109	2,000,000
479	NGUYEN THI HANG	4271XX7108	2,000,000
480	NGUYEN DUC NAM	4271XX3101	2,000,000
481	LE DUC THO	4271XX7103	2,000,000
482	NGUYEN HUU HA	4271XX9105	2,000,000
483	DO THI HA	4271XX0106	2,000,000
484	TRAN THI NGOC HUONG	4271XX9105	2,000,000
485	VO THI HUONG	4271XX1106	2,000,000
486	LAM THI THU LAN	4271XX8102	2,000,000
487	HO HOANG ANH	4271XX3102	2,000,000
488	TRUONG HOANG THAI	4271XX6107	2,000,000
489	PHAM NGUYEN ANH	4271XX3101	2,000,000
490	NGUYEN VAN QUANG	4271XX5102	2,000,000

STT	Tên KH	Số thẻ	Số tiền thưởng
491	NGUYEN HUU TOAN	4271XX2104	2,000,000
492	VO PHAN THI LAC HOA	4271XX4102	2,000,000
493	NGUYEN HUU PHUC	4271XX4107	2,000,000
494	NGUYEN HUNG LINH	4271XX5103	2,000,000
495	DANG XUAN TINH	4271XX6103	2,000,000
496	DAO THANH HOAI	4271XX4103	2,000,000
497	TRUONG QUANG TUNG	4271XX1109	2,000,000
498	DO THI OANH	4271XX1106	2,000,000
499	DANG THI THIEN THO	4271XX7106	2,000,000
500	PHAM GIA HUNG	4271XX9106	2,000,000
501	LE XUAN THANH	4271XX6108	2,000,000
502	PHUNG KIEN DUC	4271XX4106	2,000,000
503	BUI VAN HOAN	4271XX9106	2,000,000
504	PHAN LE MINH PHUONG	4271XX9104	2,000,000
505	TRUONG DINH HAI	4271XX7103	2,000,000
506	DANG THI THUY	4271XX7108	2,000,000
507	NGUYEN THI NHUNG	4271XX3101	2,000,000
508	LE HUNG BINH	4271XX7105	2,000,000
509	NGUYEN ANH TUAN	4271XX0103	2,000,000
510	LE NGOC DIEP	4271XX5106	2,000,000
511	PHAN QUANG THANH	4271XX9101	2,000,000
512	DOAN THANH XUAN	4271XX1109	2,000,000
513	NGUYEN THI HAO	4271XX8108	2,000,000
514	NGUYEN VAN TUAN	4271XX5103	2,000,000
515	NGUYEN NHAT HUY HOANG	4271XX7107	2,000,000
516	NGUYEN MINH NGOC	4271XX8105	2,000,000
517	TRAN THI KIM UYEN	4271XX4102	2,000,000
518	HOANG THI DUNG	4271XX6109	2,000,000
519	PHAM THI LE HA	4271XX7109	2,000,000
520	DO THI THIEM	4271XX2108	2,000,000
521	LE THI THANH MAI	4271XX0104	2,000,000
522	NGUYEN MINH NGUYEN	4271XX2100	2,000,000
523	NGUYEN DUC THANH	4271XX2102	2,000,000
524	DINH NGUYEN DUC MINH	4271XX9106	2,000,000
525	TRAN THI THANH THUY	4271XX8105	2,000,000
526	NGUYEN MINH TRI	4271XX1105	2,000,000
527	TRAN THI HOA	4271XX7105	2,000,000
528	NGUYEN THI THUY	4271XX3100	2,000,000
529	NGUYEN THI CANH	4271XX0101	2,000,000
530	NGUYEN TRUONG GIANG	4271XX1101	2,000,000
531	LE NHU NGOC	4271XX9106	2,000,000

STT	Tên KH	Số thẻ	Số tiền thưởng
532	LUONG THI ANH HUONG	4271XX7102	2,000,000
533	NGUYEN THI THANH HANG	4271XX3109	2,000,000
534	NGUYEN HOANG TUAN	4271XX6104	2,000,000
535	LE DUC HAI	4271XX4105	2,000,000
536	PHAM THI HUONG	4271XX8105	2,000,000
537	PHAM QUY HONG	4271XX7100	2,000,000
538	BUI ANH THU	4271XX3105	2,000,000
539	PHAM NAM PHONG	4271XX4103	2,000,000
540	VU THI HOA	4271XX5107	2,000,000
541	TRUONG PHU HAI	4271XX2104	2,000,000
542	NGUYEN MANH HUNG	4271XX9109	2,000,000
543	BUI THI HA	4271XX1102	2,000,000
544	NGO MINH DUC	4271XX2104	2,000,000
545	NGUYEN THI HONG LE	4271XX4107	2,000,000
546	NGUYEN THI HOA	4271XX7107	2,000,000
547	LE XUAN HUYNH	4271XX2105	2,000,000
548	NGUYEN QUOC TRUNG	4271XX0107	2,000,000
549	PHAM HUY CUONG	4271XX3109	2,000,000
550	NGUYEN TRONG TUNG	4271XX9103	2,000,000
551	TANG XUAN HAI	4271XX5108	2,000,000
552	DUONG THI HOA	4271XX2100	2,000,000
553	TRAN DINH MAN	4271XX3109	2,000,000
554	TRAN LAN ANH	4271XX6108	2,000,000
555	NGUYEN THI THANH MAI	4271XX0107	2,000,000
556	TRAN DUC BACH	4271XX9106	2,000,000
557	NGUYEN THI CAM VAN	4271XX7107	2,000,000
558	VU TIEN VIET	4271XX4106	2,000,000
559	NGUYEN THI KHANH	4271XX5105	2,000,000
560	NGUYEN THI QUYNH AN	4271XX2109	2,000,000
561	NGUYEN HUU HIEU	4271XX3102	2,000,000
562	NGUYEN THI VAN HA	4271XX6101	2,000,000
563	NGUYEN DUY TAN	4271XX3104	2,000,000
564	NGUYEN THI HONG	4271XX9103	2,000,000
565	NGUYEN LE HUU PHUC	4271XX6101	2,000,000
566	VO DIEN LAP	4271XX7109	2,000,000
567	NGUYEN LE MAI BINH	4271XX7104	2,000,000
568	TRINH N HA PHUONG	4271XX8106	2,000,000
569	VU KIEU TRANG	4271XX8102	2,000,000
570	LE ANH NAM	4271XX7101	2,000,000
571	NGUYEN CANH TRUONG	4271XX1107	2,000,000
572	NGUYEN VAN HAU	4271XX3102	2,000,000

STT	Tên KH	Số thẻ	Số tiền thưởng
573	NGUYEN THANH MAI	4271XX6105	2,000,000
574	DO THI PHUONG TRANG	4271XX1100	2,000,000
575	NGUYEN D QUYNH NGAN	4271XX4105	2,000,000
576	NGUYEN THU TRA	4271XX1102	2,000,000
577	PHAM NGOC LAN	4271XX4100	2,000,000
578	DO THI HA	4271XX9104	2,000,000
579	NGUYEN VAN TAI	4271XX2101	2,000,000
580	VU VIET TIEN	4271XX0101	2,000,000
581	NGUYEN THANH TAM	4271XX8107	2,000,000
582	NGUYEN THI THANH LOAN	4271XX6101	2,000,000
583	VO THI HOA LOAN	4271XX8103	2,000,000
584	TRAN DUY NINH	4271XX7104	2,000,000
585	LE VAN DONG	4271XX3100	2,000,000
586	DAO NGOC TUYET	4271XX9104	2,000,000
587	PHAM NGOC TIEN	4271XX4107	2,000,000
588	HOANG HONG DUONG	4271XX5101	2,000,000
589	PHAM VAN THUY	4271XX2108	2,000,000
590	VU VAN LUAT	4271XX0103	2,000,000
591	NGUYEN XUAN QUYNH	4271XX4101	2,000,000
592	HOANG THI MAI TRANG	4271XX4106	2,000,000
593	DAO DUC DUNG	4271XX2103	2,000,000
594	DANG HOAI LY	4271XX1108	2,000,000
595	NGUYEN THI THAO LY	4271XX5104	2,000,000
596	TRAN HONG NHUNG	4271XX7105	2,000,000
597	TRAN QUANG MINH	4271XX0108	2,000,000
598	PHAM DUY LONG	4271XX3105	2,000,000
599	CAN MINH DUC	4271XX4104	2,000,000
600	TONG DUC DUNG	4271XX6104	2,000,000
601	LE MANH HUNG	4271XX8105	2,000,000
602	DANG NGOC THANH	4271XX2104	2,000,000
603	VUONG KIEU TRAM	4271XX0101	2,000,000
604	TRAN THI THU HA	4271XX7100	2,000,000
605	DAO VAN TUYEN	4271XX5102	2,000,000
606	NGUYEN VAN LAN ANH	4271XX0106	2,000,000
607	TRAN QUOC HUNG	4271XX5101	2,000,000
608	VU QUANG LOC	4271XX7103	2,000,000
609	BUI VAN DUONG	4271XX9104	2,000,000
610	PHAM HUYEN TRANG	4271XX5103	2,000,000
611	NGUYEN TRUNG THONG	4271XX3102	2,000,000
612	NGUYEN DINH DIEP	4271XX2106	2,000,000
613	NGUYEN THU THUY	4271XX1108	2,000,000

STT	Tên KH	Số thẻ	Số tiền thưởng
614	TRAN TRONG VAN	4271XX6100	2,000,000
615	TRAN VAN DAT	4271XX6102	2,000,000
616	CHU DINH BINH	4271XX0109	2,000,000
617	DOAN CONG BINH	4271XX5101	2,000,000
618	TRAN THI THUY LINH	4271XX8104	2,000,000
619	DINH VAN QUAN	4271XX7109	2,000,000
620	NGUYEN TH THANH HUYEN	4271XX7103	2,000,000
621	DO THI THANH HA	4271XX9106	2,000,000
622	LIEU TIEN DAT	4271XX3109	2,000,000
623	HA THE SON	4271XX5103	2,000,000
624	VO HONG PHUONG	4271XX4109	2,000,000
625	NGUYEN THI KIM NHUNG	4271XX5106	2,000,000
			1,250,000,000